

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 28-6-2018

V/v: “*Tranh chấp về
ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Một
2. Bà Nguyễn Thị Liễu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXX-ST ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lâm Hòa H, sinh ngày 27/10/1981;

Địa chỉ: Khu phố H, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị D, sinh ngày 20/5/1983;

Địa chỉ: Khu phố H, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn – ông Nguyễn Lâm Hòa H trình bày: Ông và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H; vợ chồng ông chung sống cùng với cha mẹ đẻ của ông tại địa chỉ: khu phố H, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh từ tháng 9/2008. Do cuộc

sống không đồng quan điểm nên vợ chồng ông thường có mâu thuẫn nên không có hạnh phúc; vợ chồng ông đã ly thân, bị đơn đã bỏ nhà đi từ năm 2014; đến nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Nguyễn Hải M, sinh ngày 26/01/2012; cháu chung sống với bị đơn; nên ông đồng ý giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và chăm sóc; ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn - chị Lê Thị D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn; theo quy định tại Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn vào năm 2008 theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra do bất đồng quan điểm, nên bị đơn đã bỏ đi từ năm 2014; vợ chồng đã ly thân cho đến nay.

Xét thấy tại Sổ Hộ khẩu số 540199763 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho chủ hộ cụ ông Nguyễn Văn H thể hiện bị đơn đã đăng ký thường trú tại địa chỉ khu phố H, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh với quan hệ là con dâu; Qua xác minh bị đơn và nguyên đơn đã sinh sống tại địa chỉ của cụ ông Nguyễn Văn H từ năm 2008 đến năm 2014; như vậy việc bị đơn đã bỏ đi từ năm 2014 nhưng không

thông báo địa chỉ mới; thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; do đó Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng tại địa chỉ của bị đơn đã cư trú.

Và xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn ly thân đến nay đã 5 năm, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được; chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về con chung: Nguyên đơn xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hải M, sinh ngày 26/01/2012;

[5] Về việc nuôi con chung: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu H đã sống cùng bị đơn; Nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng: Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tuy nhiên việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ nên Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hải số tiền 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: không có.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc; Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Về án phí:

+ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326 về Án phí và lệ phí Tòa án thì ông H phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Lâm Hòa H đối với bà Lê Thị D; cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà D.

2. Về con chung: Bà Lê Thị D được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hải M, sinh ngày 26/01/2012.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Lâm Hòa H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng; thời hạn được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về tài sản chung: Không có yêu cầu; nợ chung: không có.

6. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số: 0005282 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

+ Án phí dân sự: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

7. Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

* Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- Chi cục THA TPTN;
- Phòng KTNV.TAND TTN;
- Các đương sự, lưu hồ sơ
- Lưu tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mừng Huỳnh Thị Ngọc Thu Nguyễn Thanh Minh Châu

*** Công ty Đô thị khởi kiện đòi ông Vũ trả tiền còn nợ của 03 hợp đồng như sau:**

1. Hợp đồng số 28 lập ngày 21/8/2008 giữa Công ty và ông Vũ thực hiện công trình . .

- Giá trị giữa Công ty và Chủ đầu tư (Bộ đội Biên phòng) tạm tính 7.180.656.000 đồng
- Giá trị tạm tính giữa Công ty và ông Vũ: 6.166.000.000 đồng.
- Từ ngày 27/8/2011 đến 30/8/2011 ông Vũ tạm thanh toán 6.001.652.000 đồng
- Theo Hợp đồng là căn cứ vào Quyết định số 04 và 14 thì giá trị thanh lý phải là giá trị được UBND tỉnh phê duyệt.
- Ngày 05/8/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản giá trị thanh lý cho đội (ông Vũ)
- Ngày 16/8/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản thanh lý hợp đồng B – B' (ông Vũ)
- Nhưng mãi đến ngày 20/3/2015 hợp đồng này được UBND tỉnh phê duyệt số tiền 6.659.000.000 đồng.
- Sau khi có phê duyệt, Công ty lập bảng điều chỉnh giá trị thanh lý cho rằng giá trị bị cắt giảm do đó tỷ lệ cắt giảm cho hợp đồng với ông Vũ giảm theo còn 92,74%= 5.718.272.000 đồng nhưng ông Vũ không đến Công ty để điều chỉnh.

Như vậy ông Vũ phải thanh toán lại $6.000.000 \text{ đồng} - 5.700.000.000 = 300.000.000$ đồng.

2. Hợp đồng số 01 lập ngày 09/01/2009.

- Giá trị giữa Công ty và Chủ đầu tư (Bộ đội Biên phòng) tạm tính 18.500.000 đồng
- Giá trị tạm tính giữa Công ty và ông Vũ: 16.500.000 đồng.
- Từ ngày 27/8/2011 đến 30/8/2011 ông Vũ tạm thanh toán 16.500.000 đồng
- Theo Hợp đồng là căn cứ vào Quyết định số 04 và 14 thì giá trị thanh lý phải là giá trị được UBND tỉnh phê duyệt.
- Ngày 24/11/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản giá trị thanh lý cho đội (ông Vũ)
- Ngày 04/11/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản thanh lý hợp đồng B – B' (ông Vũ)
- Nhưng mãi đến ngày 07/9/2012 hợp đồng này được UBND tỉnh phê duyệt số tiền 17.600.000 đồng.

- Sau khi có phê duyệt, Công ty lập bảng điều chỉnh giá trị thanh lý cho rằng giá trị bị cắt giảm do đó tỷ lệ cắt giảm cho hợp đồng với ông Vũ giảm theo còn 95%= 15.847.000 đồng nhưng ông Vũ không đến Công ty để điều chỉnh.

Như vậy ông Vũ phải trả lại số tiền

3. Hợp đồng số 70 lập ngày 21/12/2009

- Giá trị giữa Công ty và Chủ đầu tư (Bộ đội Biên phòng) tạm tính 6.659.000.000 đồng

- Giá trị tạm tính giữa Công ty và ông Vũ: 16.500.000 đồng.

- Từ ngày 27/8/2011 đến 30/8/2011 ông Vũ tạm thanh toán 4.097.000.000 đồng

- Theo Hợp đồng là căn cứ vào Quyết định số 04 và 14 thì giá trị thanh lý phải là giá trị được UBND tỉnh phê duyệt.

- Ngày 08/8/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản giá trị thanh lý cho đội (ông Vũ)

- Ngày 16/8/2011 Công ty ĐT và ông Vũ lập bản thanh lý hợp đồng B – B' (ông Vũ)

- Nhưng mãi đến ngày 20/3/2015 hợp đồng này được UBND tỉnh phê duyệt số tiền 6.660.000.000 đồng.

- Sau khi có phê duyệt, Công ty lập bảng điều chỉnh giá trị thanh lý cho rằng giá trị bị cắt giảm do đó tỷ lệ cắt giảm cho hợp đồng với ông Vũ giảm theo còn 99,40% = 5.602.018.000 đồng nhưng ông Vũ không đến Công ty để điều chỉnh.

DANH SÁCH CHI TIỀN ĐO ĐẠC

Ngày 13/6/2017 vụ án tranh chấp đòi tài sản quyền sử dụng đất

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim Lan

STT	HỌ VÀ TÊN	TÊN ĐƠN VI	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
01		Phòng TN&MT	150.000 đồng	
02		Phòng QLĐT	150.000 đồng	
		Phòng Tài chính	150.000 đồng	
		Ủy ban nhân dân p3	150.000 đồng	
			600.000 đồng	